

Số: 319/QĐ-STC

Hưng Yên, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai
bổ sung kinh phí NSNN nước năm 2026 của cơ quan Sở Tài chính

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2026;

Căn cứ Thông tư số 26/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 07/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên; số 2322/QĐ-UBND ngày 25/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt chủ trương, dự kiến kinh phí và bổ sung kinh phí các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-STC ngày 31/7/2026 của Sở Tài chính về việc giao và phân bổ dự toán chi NSNN bổ sung năm 2026 của cơ quan Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai bổ sung kinh phí NSNN nước năm 2026 của cơ quan Sở Tài chính như sau:

(theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Sở và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- GĐ, các PGĐ sở;
- KBNN khu vực IV;
- Phòng HCSN STC;
- Công TTĐT STC;
- Lưu: VT ✓


Phạm Đức Thành

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG KINH PHÍ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 49) /QĐ- STC ngày 06 tháng 8 năm 2026)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Cơ quan Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, HTDN & Tư vấn DVTC
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	
1	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0	0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	875.000.000	875.000.000	875.000.000	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	875.000.000	875.000.000	875.000.000	0
1	Chi quản lý hành chính (Chương 418-340-341)	0	0	0	0
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Chương 418-100-121)	875.000.000	875.000.000	875.000.000	-
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	875.000.000	875.000.000	875.000.000	-
	Trang bị thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin phục vụ phòng họp không giấy tờ	875.000.000	875.000.000	875.000.000	-